

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN THANH THỦY
TỈNH PHÚ THỌ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2020/HSST
Ngày 15 - 5 - 2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN THANH THỦY, TỈNH PHÚ THỌ

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông **Bùi Khoa Hương**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông **Đỗ Minh Thân**
Ông **Nguyễn Thành Lâm**

Thư ký ghi biên bản phiên toà: Bà **Dương Thị Thanh Hoa** - là Thư ký
Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Đại diện VKSND huyện Thanh Thủy tham gia phiên toà: Bà **Hoàng Thị Thùy** - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 21/2020/HS-ST ngày 03 tháng 04 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2020/QĐXXST- HS ngày 28 tháng 04 năm 2020 đối với bị cáo:

1. Họ tên: **Lê Minh H** - Sinh ngày 01/10/1983 tại huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

Nơi ĐKKHKT + Chỗ ở hiện nay: Khu 8, xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;

Trình độ Văn hóa lớp: 03/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bố đẻ: Lê Phạm H1- sinh năm 1961; Mẹ đẻ: Nguyễn Thị Q (Đã chết)

Gia đình có 03 anh em, bị cáo là con thứ nhất

Vợ, con: Chưa có

Tiền sự: Không

Tiền án:

Bản án số 42/HS- ST ngày 26/9/2006 của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây xử phạt Lê Minh H 45 tháng tù về tội « Trộm cắp tài sản ». Thời hạn tù từ ngày 08/02/2006. Buộc bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 15.600.000đ. Khoản bồi thường cho bị hại, Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy đã ra Quyết định trả đơn yêu cầu thi hành án tháng 11/2010. Bị cáo phải chịu 50.000đ tiền án phí hình sự và 1.330.000đ án phí dân sự. Bị cáo đã thi hành xong các khoản án phí năm 2011.

Bản án số 12/2007/HSST ngày 24/5/2007 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, Phú Thọ xử phạt Lê Minh H 30 tháng tù về tội « Trộm cắp tài sản » tổng hợp với 45 tháng tù của bản án số 42/HS- ST ngày 26/9/2006 của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng. Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 75 tháng tù, thời

hạn tù từ ngày 08/02/2006. Bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 4.500.000đ. Bị cáo phải chịu 50.000đ tiền án phí hình sự và 2xx.000đ án phí dân sự. Án phí hình sự bị cáo đã thi hành xong ngày 07/3/2013; khoản án phí dân sự đã được miễn thi hành án ngày 10/4/2013. Khoản bồi thường cho bị hại, Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy ra Quyết định trả đơn yêu cầu thi hành án do đương sự không có tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và được ra trại ngày 08/8/2011

Bản án số 680/2012/HS- ST ngày 18/12/2012 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội xử phạt Lê Minh H 36 tháng tù về tội « Tàng trữ trái phép chất ma túy ». Thời hạn tù tính từ ngày 02/8/2012. Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị can đã thi hành xong án phí vào tháng 9/2013. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và được ra trại ngày 02/8/2015.

Bản án số 72/2016/HS- ST ngày 30/3/2016 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Hà Nội xử phạt Lê Minh H 03 năm tù về tội « Trộm cắp tài sản ». Thời hạn tù tính từ ngày 08/01/2016. Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị can chưa thi hành khoản án phí. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và được ra trại ngày 08/01/2019.

Nhân thân của bị cáo:

Bản án số 65/HS- ST ngày 22/5/2003 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Hà Nội xử phạt Lê Minh H 06 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội « Trộm cắp tài sản ». Bị cáo phải chịu 50.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm (*Trị giá tài sản trộm cắp trị giá 1.050.000đ*). Về số tiền án phí, qua xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân thể hiện đã được ủy thác về Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy ngày 26/8/2003 tuy nhiên qua kiểm tra sổ nhận ủy thác tại cơ quan thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy thì đơn vị không nhận được Quyết định ủy thác nêu trên nên không có căn cứ thi hành án.

Bản án số 303/HS- ST ngày 13/8/2004 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội xử phạt Lê Minh H 10 tháng tù về tội « Trộm cắp tài sản » tổng hợp với 06 tháng tù của bản án số 65/HS- ST ngày 22/5/2003 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân. Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 16 tháng tù, thời hạn tù từ ngày 06/5/2004. Bị cáo phải chịu 50.000đ tiền án phí. Bị cáo thi hành xong án phí năm 2006. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, được ra trại ngày 06/6/2005.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 06/02/2020, hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

2. Họ tên: Đỗ Trung K - Sinh ngày 18/3/1989 tại huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

Nơi ĐKKHKT + Chỗ ở hiện nay: Khu 1, xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hóa lớp : 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bố đẻ: Đỗ Văn C - Sinh năm 1965. Mẹ đẻ: Đỗ Thị L - Sinh năm 1965

Hiện nay đang ở khu 1, xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất

Vợ, con: chưa có

Tiền án, tiền sự : không

Nhân thân :

Bản án số xx/2016/HS- ST ngày 16/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xử phạt Đỗ Trung K 24 tháng tù về tội « Mua bán trái phép chất ma túy ». Thời hạn tù tính từ ngày 01/3/2016. Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và truy thu 400.000đ để sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo nộp án phí ngày 22/7/2016. Khoản tiền truy thu, bị cáo thi hành xong tháng 9/2016. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và ra trại ngày 01/10/2017.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 08/02/2020, hiện bị can đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Phú Thọ. (Có mặt).

3. Họ tên: **Lê Xuân B**- Sinh ngày 09/10/2000 tại xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Nơi ĐKKHKT + Chỗ ở hiện nay: Thôn L, xã K, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hóa lớp: 07/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bố đẻ: Lê Xuân H2- sinh năm 1972. Mẹ đẻ: Đào Thị Kim O- sinh năm 1973

Gia đình có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất

Vợ, con: Chưa có

Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam, đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã K, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội (Có mặt).

4. Họ tên: **Nguyễn Văn T1** - Sinh ngày 12/10/1989 tại huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

Nơi ĐKKHKT và chỗ ở hiện nay: Khu 1, xã T.P, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không;

Trình độ văn hóa lớp: 9/12; Nghề nghiệp: Lao động tự do.

Bố đẻ: Nguyễn Văn T2 - Sinh năm 1960 (Đã chết);

Mẹ đẻ: Hoàng Thị H4 - Sinh năm 1963

Hiện nay ở khu 1, xã T.P, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Gia đình có 04 chị em, bị cáo là con thứ ba

Vợ: Đỗ Thị H5- sinh năm 1994 (Đã ly hôn)

Con: có 01 con, sinh năm 2010.

Tiền sự: Không.

Tiền án: Có 02 tiền án

Bản án số 38/2013/HS- ST ngày 19/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt Nguyễn Văn T1 24 tháng tù về tội « Tàng trữ trái phép chất ma túy ». Thời hạn tù tính từ ngày 09/7/2013. Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo thi hành xong án phí ngày 13/11/2013. Bị cáo chấp hành xong hình phạt và ra trại ngày 09/4/2015.

Bản án số 14/2016/HS- ST ngày 19/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt Nguyễn Văn T1 30 tháng tù về tội « Mua bán trái phép chất ma túy ». Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2016. Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tịch thu 200.000đ để sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo thi hành xong án phí và khoản tịch thu tiền sung công vào ngày 19/9/2016. Bị can chấp hành xong hình phạt tù và được ra trại ngày 11/5/2018.

Bị cáo không bị bắt tạm giữ, tạm giam đang được áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú tại xã T.P, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ (Có mặt).

Bị hại:

1- Anh **Nguyễn Thế V** - SN 1986 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 5 xã H.X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ
2- Anh **Hoàng Văn C** - SN 1985 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Khu 2 xã H.X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

1- Bà **Đào Thị Kim O** - SN 1973 (Có mặt)
Địa chỉ: Thôn L, xã K, thị xã Sơn Tây, TP Hà Nội
2- Ông **Đỗ Văn C** - SN 1965 (Có mặt)
Địa chỉ: Khu 1 xã T.P, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ
3- Anh **Lý Lang T** - SN 1971 (Vắng mặt)
Địa chỉ: Tiểu khu 1x, xã H, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Minh H, sinh năm 1983, trú tại khu 8, xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ và Đỗ Trung K, sinh năm 1989, trú tại: khu 1, xã T.P, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ là bạn quen biết và đều là đối tượng sử dụng ma túy. Khoảng 09 giờ ngày 04/02/2020, Đỗ Trung K điều khiển xe máy nhãn hiệu LONGCIN (kiểu dáng tương tự xe máy nhãn hiệu HONDA DREAM), BKS 19L1 - 260.xx đi từ nhà xuống thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Tại đây, K gặp Lê Minh H tại khu vực gần Bệnh viện Quân y 105. Do cần tiền nên H rủ K đi tìm xe máy sơ hở để trộm cắp bán lấy tiền chi tiêu và mua ma túy cùng sử dụng. K đồng ý rồi chở Hải bằng xe máy của K đi qua cầu Đồng Quang về xã H.X, huyện Thanh Thủy với mục đích trộm cắp tài sản. Khoảng 13 giờ 30 phút cùng ngày, khi K chở H đi qua quán cà phê có biển hiệu "Trang Vy" ở khu 9, xã H.X, huyện Thanh Thủy do anh Nguyễn Thế V, sinh năm 1986, trú tại: khu 5 xã H.X, huyện Thanh Thủy làm chủ thì H phát hiện phía trước cửa quán có một chiếc xe máy nhãn hiệu GABON (kiểu dáng tương tự xe nhãn hiệu HONDA DREAM), BKS: 19Z5 - 53xx của anh V, có cắm sẵn chìa khóa điện nên H nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe máy này. H nói với K quay xe lại rồi cả hai vào quán uống nước. Khi ngồi uống nước được khoảng 15 phút, H quan sát thấy không có người trông giữ xe, nên H bảo K đi trước để H trộm cắp xe máy trên, K đồng ý rồi điều khiển xe máy, BKS 19L1 - 260.xx đi trước. Sau đó, H thanh toán tiền nước rồi đi ra ngoài cửa quán, quay đầu xe máy BKS 19Z5-53xx theo hướng xã H.X đi xã Trung Thịnh, mở khóa điện, nổ máy và điều khiển xe máy trộm cắp được đi về hướng cầu Đồng Quang để sang thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Trên đường đi, H gọi điện thông báo cho K biết mình đã trộm cắp được xe máy trên. Sau đó, H đi xe máy trộm cắp được đến nhà Phùng Trọng K, sinh năm 1976 ở tổ 1, phường T, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội để bán cho K với giá 4.000.000 đồng. Số tiền bán xe, H không chia cho Đỗ Trung K mà sử dụng tiêu sài cá nhân hết.

Về phía bị hại, anh Nguyễn Thế V sau khi bị mất chiếc xe máy nhãn hiệu GABON BKS: 19Z5 - 53xx, anh V đã có đơn trình báo gửi Công an xã H.X và Công an huyện Thanh Thủy. Theo lời khai của bị hại, chiếc xe bị trộm cắp có trị giá khoảng 6.000.000đ. Sau khi tiếp nhận tin báo, Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã tổ chức khám nghiệm hiện trường và tiến hành sao chụp dữ liệu hình

ảnh trích xuất từ camera an ninh đặt tại quán cà phê Trang Vy ghi lại hình ảnh Lê Minh H và Đỗ Trung K có mặt tại quán và H là người trực tiếp thực hiện hành vi trộm cắp xe máy của anh V.

Trên cơ sở các tài liệu thu thập được, Cơ quan điều tra đã tiến hành triệu tập Lê Minh H và Đỗ Trung K để làm việc. Tại cơ quan điều tra, H và K đều thừa nhận hành vi trộm cắp tài sản như đã nêu trên, bên cạnh đó H còn khai nhận trước đó vào ngày 20/01/2020, H cùng cùng Lê Xuân Bắc, sinh năm 2000, trú tại: thôn Lồng Hồ, xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội còn trộm cắp 01 xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen- trắng BKS 19L1 - 083.xx tại khu 1, xã Đoan Hạ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, cụ thể như sau:

Khoảng 15 giờ 00 ngày 20/01/2020, do cần tiền chi tiêu nên Lê Minh H rủ Lê Xuân B đi trộm cắp xe máy trên địa bàn huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Lê Xuân B đồng ý và điều khiển xe máy nhãn hiệu HONDA WAVE ALPHA màu đen- bạc, BKS 29L5 - 245.19 chở Lê Minh H đi từ thị xã Sơn Tây qua cầu Đồng Quang sang địa bàn huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ với mục đích tìm xe máy sơ hở, quên chìa khóa để trộm cắp. Đến khoảng 19 giờ cùng ngày, B và H đi đến địa bàn xã Đoan Hạ, huyện Thanh Thủy thì phát hiện trước cửa hàng bán tạp hóa của gia đình anh Trần Thế Văn, sinh năm 1980 ở khu 1, xã Đoan Hạ, huyện Thanh Thủy có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen- trắng BKS 19L1 - 083.xx vẫn cắm chìa khóa điện trên ổ khóa. Khi B chở H đi qua vị trí để chiếc xe trên khoảng 10m, H quan sát thấy không có người trông coi nên H bảo B dừng xe để H trộm cắp xe máy đó, còn B cảnh giới cho H bên ngoài. Sau đó, H vào quán bán hàng tạp hóa của anh Văn hỏi mua thuốc lá, sau khi mua xong H đi đến vị trí dựng xe máy, BKS 19L1 - 083.xx, ngồi lên xe rồi dùng chìa khóa cắm sẵn ở ổ khóa nổ máy và bỏ chạy theo đường cũ qua cầu Đồng Quang về thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Trên đường đi, H gọi điện thoại cho B và bảo B về nhà trước. Khoảng 02 ngày sau, do chưa bán được xe nên H điều khiển xe máy trộm cắp được mang đến nhà của H tại xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây để gửi.

Đến khoảng 19 giờ 30 ngày 24/01/2020, H gặp bạn là Nguyễn Văn T1, sinh năm 1989, trú tại: khu 1, xã T.P, huyện Thanh Thủy ở quán cà phê Quán Gió thuộc khu Phố, thị trấn Thanh Thủy, huyện Thanh Thủy. Trong khi nói chuyện, T1 có nói với H việc T1 không có phương tiện để sử dụng trong dịp Tết. Biết T1 cần mua xe, H nói mình có 01 chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS, không có giấy tờ nếu T1 mua H sẽ bán với giá 2.000.000 đồng. Mặc dù T1 nhận thức được chiếc xe mô tô mà H bán là xe do H trộm cắp được mà có nhưng do giá mua thấp hơn nhiều so với giá trị thực tế và cần phương tiện sử dụng nên T1 vẫn đồng ý mua. Đến khoảng 08 giờ 00 ngày xx/01/2020, H đến nhà T1 ở khu 1, xã T.P, huyện Thanh Thủy và bảo T1 đưa trước tiền mua xe cho H, nên T1 đưa cho H số tiền 500.000đ, H hẹn T1 xuống thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội để giao xe. Đến khoảng 14 giờ, cùng ngày, T1 bắt xe khách xuống thị xã Sơn Tây gặp H. Tại đây, H bán chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen- trắng BKS 19L1 - 083.xx cho T1, T1 thanh toán tiền mua xe còn lại cho H là 1.500.000 đồng và mang xe về nhà sử dụng làm phương tiện đi lại. Tiền bán xe máy trộm cắp được, H chi tiêu cá nhân hết mà không chia cho Lê Xuân Bắc. Ngày 10/02/2020, cơ quan điều tra triệu tập làm việc đối với Lê Xuân B và Nguyễn Văn T1, B đã khai nhận cùng H đi trộm cắp xe máy như đã nêu trên. Nguyễn Văn T1 đã khai nhận hành vi mua xe máy trộm cắp của H và tự nguyện

giao nộp cho cơ quan điều tra chiếc xe máy nhãn hiệu YAMAHA SIRIUS màu đen-trắng BKS 19L1- 083xx.

Ngày 07/02/2020, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy có thông báo tìm bị hại trong vụ án trộm cắp xe máy xảy ra tại khu 1, xã Đoan Hạ, huyện Thanh Thủy. Ngày 08/02/2020, anh Hoàng Văn C, sinh năm 1985, trú tại: khu 2, xã H.X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đến cơ quan công an trình báo việc ngày 20/01/2020, anh đi xe máy YAMAHA SIRIUS màu đen- trắng BKS 19L1 - 083.xx đến nhà anh Trần Thế V ở khu 1, xã Đ, huyện Thanh Thủy để ăn cơm tất niên. Khi ra về anh phát hiện chiếc xe đã bị trộm cắp, do thời điểm gần Tết nên anh chưa trình báo cơ quan công an. Theo lời khai của anh C, chiếc xe bị mất có giá trị khoảng 10.000.000đ.

Để có căn cứ giải quyết sự việc, ngày 07/02/2020, cơ quan điều tra đã có văn bản yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự thuộc UBND huyện Thanh Thủy định giá 01 chiếc xe máy nhãn hiệu GABON, BKS: 19Z5 – 53xx và 01 xe mô tô YAMAHA SIRIUS, BKS 19L1 - 083.xx.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 04 ngày 07/02/2020 của Hội đồng định giá kết luận:

01 xe máy có đặc điểm: nhãn hiệu GABON, màu sơn nâu, BKS: 19Z5 – 53xx, được cấp đăng ký lần đầu ngày 11/9/2007. Giá trị của chiếc xe máy cần định giá nêu trên là: 6.000.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 05 ngày 07/02/2020 của Hội đồng định giá kết luận:

01 xe máy có đặc điểm: nhãn hiệu YAMAHA loại xe: SIRIUS, màu sơn đen-trắng, BKS: 19L1 – 083.xx, được cấp đăng ký lần đầu ngày 18/6/2013. Giá trị của chiếc xe máy cần định giá nêu trên là: 9.000.000đ.

Trên cơ sở lời khai của Lê Minh H về việc bán chiếc xe trộm cắp nhãn hiệu GABON BKS: 19Z5 – 53xx cho Phùng Trọng K, cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã thi hành Lệnh khám xét khẩn cấp nơi ở của Phùng Trọng K tại tổ 1, phường Trung Hưng, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội. Qua khám xét không thu giữ được vật chứng liên quan đến vụ án. Tại cơ quan điều tra, Phùng Trọng K không thừa nhận mua xe máy BKS 19Z5 - 53xx của Lê Minh H. Do đó, cơ quan điều tra không thu hồi được vật chứng nêu trên. Ngoài lời khai của H, không còn căn cứ khác để chứng minh Phùng Trọng K có hành vi mua xe trộm cắp của Lê Minh H, do đó không đủ căn cứ để xử lý đối với Phùng Trọng K.

Đối với bà Đào Thị Kim O là mẹ đẻ Lê Xuân Bắc, sau khi H và B trộm cắp được 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen- trắng, BKS: 19L1-083.xx, H có gửi chiếc xe trên tại nhà bà Oanh, tuy nhiên bà Oanh không biết chiếc xe trên do H và B trộm cắp mà có, nên không xem xét xử lý.

Trong quá trình thi hành Lệnh giữ người trong trường hợp khẩn cấp đối với Lê Minh H đã tạm giữ: 01 ví giả da màu đen đã cũ, bên trong có số tiền là 300.000 đồng; 01 (một) chứng minh nhân dân số 1312286xx do Công an tỉnh Phú Thọ cấp ngày 17/7/2019 mang tên Lê Minh H; 01 điện thoại di động Nokia 1010 màu đen, đã qua sử dụng, gắn thẻ sim số 03299633xx. Qua xác minh số tiền 300.000đ là số tiền còn lại của H có được do bán chiếc xe GABON BKS: 19Z5 – 53xx. Chiếc điện thoại di động là của H sử dụng để liên lạc hàng ngày và liên lạc với B và K trong quá trình trộm cắp xe máy. Số vật chứng trên được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Tạm giữ của Đỗ Trung K: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Mobistar màu đen vàng, gắn thẻ sim có số 03273965xx; 01 chiếc xe máy nhãn hiệu LONGCIN, màu nâu, BKS 19L1-260.xx, Qua xác minh, chiếc điện thoại là của K sử dụng để liên lạc hàng ngày và liên lạc với H trong quá trình trộm cắp xe máy. Đối với chiếc xe mô tô là của ông Lý Lang T, sinh năm 1971, trú tại: tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Cuối tháng 12 năm 2019, tại xã T.P, huyện Thanh Thủy, Đỗ Trung K đã mượn xe của ông Tân để làm phương tiện đi lại trong dịp Tết. Việc K sử dụng xe vào việc trộm cắp, ông Tân không biết. Ngày 05/3/2020, cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô trên cho ông Lý Lang T.

Tạm giữ của Lê Xuân B 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen- bạc, BKS: 29L5-245.xx. Qua xác minh, chiếc xe trên là của bà Đào Thị Kim O, sinh năm 1973, trú tại: thôn L, xã K, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội (là mẹ đẻ của Lê Xuân Bắc) bà Oanh cho B mượn xe mô tô trên làm nghề xe ôm, việc B sử dụng xe làm phương tiện trộm cắp, bà Oanh không biết. Ngày 05/3/2020, cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô trên cho bà Đào Thị Kim O.

Trong quá trình điều tra, Nguyễn Văn T1 tự nguyện giao nộp: 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đen- trắng, BKS: 19L1-083.xx. Chiếc xe trên là vật chứng vụ án là tài sản hợp pháp của bị hại anh Hoàng Văn C. Ngày 05/3/2020, cơ quan điều tra đã quyết định xử lý vật chứng trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Hoàng Văn C.

Yêu cầu bồi thường dân sự trong vụ án:

Đối với người bị hại anh Nguyễn Thế V, anh V xác nhận ngày 10/3/2020, mẹ đẻ Đỗ Trung K là bà Đỗ Thị Luyện đã bồi thường cho anh V số tiền 3.000.000đ. Anh V đã nhận đủ và không yêu cầu đề nghị gì khác.

Đối với người bị hại anh Hoàng Văn C, anh Cường đã nhận chiếc xe Yamaha Sirius BKS: 19L1- 083.xx do cơ quan điều tra giao trả, anh Cường không yêu cầu đề nghị gì khác.

Tại bản cáo trạng số: 23/CT-VKSTT ngày 03 tháng 04 năm 2020, của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ truy tố bị cáo Lê Minh H về tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 - Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Đỗ Trung K, Lê Xuân B về tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 - Bộ luật Hình sự. Truy tố bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 323- Bộ luật Hình sự.

Tại phiên toà hôm nay Kiểm sát viên - Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy vẫn giữ nguyên quan điểm truy tố các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Lê Minh H về tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 - Bộ luật Hình sự, bị cáo Đỗ Trung K, Lê Xuân B về tội “ *Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 - Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Văn T1 về tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 323- Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào điểm g Khoản 2 Điều 173, điểm r, điểm s, Khoản 1 Điều 51, điểm g Khoản 1 Điều 52 - Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Lê Minh H từ **3** năm **9** (Chín) tháng đến **4** năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 06/02/2020.

Căn cứ vào điểm đ Khoản 2 Điều 323 điểm s, Khoản 1 Điều 51- Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn T1 từ 3 (Ba) năm đến 3 (Ba) năm 6 (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173 điểm b, điểm s Khoản 1 Điều 51-Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Đỗ Trung K từ 6 đến 8 tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 08/02/2020.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173 điểm i, điểm s, Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4 Điều 36 - Bộ luật Hình sự; Điều 1xx – Bộ luật tố tụng Hình sự

Xử phạt bị cáo: Lê Xuân B từ 9 đến 12 cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, giao bị cáo B cho UBND xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 – BLHS cho các bị cáo Lê Minh H, bị cáo Đỗ Trung K.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 323 – BLHS cho bị cáo Nguyễn Văn T1.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 173, khoản 3 Điều 36 – BLHS cho bị cáo Lê Xuân B

Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy đối với bị cáo: Lệnh số 39/2020/HSST- LCCT ngày 03/4/2020 đối với bị cáo Lê Xuân B.

Xử lý vật chứng vụ án:

Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Điều 106 - Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu của bị cáo Lê Minh H 01 điện thoại di động Nokia 1010 màu đen đã qua sử dụng; thu của bị cáo Đỗ Trung K 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobisar màu đen vàng để bán phát mại để lấy tiền sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Lê Minh H sim số 0329.963.3xx và của bị cáo Đỗ Trung K 01 sim số 0327.396.5xx để tiêu hủy.

Tịch thu của bị cáo Lê Minh H số tiền 300.000đ do phạm tội mà có để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Lê Minh H 01 ví giả da màu đen đã cũ; 01 chứng minh thư nhân dân số 131228623 mang tên Lê Minh H.

Toàn bộ số vật chứng trên đã được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Truy thu của bị cáo Lê Minh H số tiền 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm ngàn đồng) để sung quỹ Nhà Nước

Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu gồm:

Trả lại cho ông Lý Lang T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu LONG CIN màu nâu, BKS 19L1 – 260.xx

Trả lại cho bà Đào Thị Kim O 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha màu đen bạc, BKS 29 L5 – 245.19, 3xx.

Trả lại cho anh Hoàng Văn C 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sisius màu đen trắng, BKS 19 L1 – 083.xx.

Toàn bộ số tài sản trên được trao trả theo biên bản trao trả tài sản ngày 05/3/2020

Căn cứ vào hồ sơ vụ án, các tài liệu và chứng cứ được thẩm tra tại phiên tòa; Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ, ý kiến của Kiểm sát viên, lời khai của bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Anh Hoàng Văn C; anh Nguyễn Thế V là bị hại; ông Lý Lang T là người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án đã được Tòa án triệu tập tham gia tố tụng, nhưng họ vắng mặt. Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo, Kiểm sát viên và những người tham gia tố tụng khác có mặt tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử không hoãn phiên tòa mà đề nghị tiếp tục xét xử vắng mặt họ. Hội đồng xét xử xét thấy bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa nhưng đã có lời khai, biên bản đối chất tại Cơ quan điều tra được lưu trong hồ sơ vụ án, sự vắng mặt của họ tại phiên tòa hôm nay không làm thay đổi đến bản chất, nội dung vụ án. Căn cứ Điều 2xx của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Hội đồng xét xử vẫn tiến hành xét xử vắng họ là phù hợp quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Lê Minh H, Đỗ Trung K; Lê Xuân Bắc; Nguyễn Văn T1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Thanh Thủy đã truy tố, không oan sai. Lời nhận tội của các bị cáo là phù hợp với vật chứng thu được, lời khai của bị hại, biên bản đối chất và các chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó đã có đủ cơ sở kết luận:

Khoảng 19 giờ ngày 20/01/2020, tại khu 1 xã Đoan Hạ, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, bị cáo Lê Minh H - Sinh năm 1983, ở xã T, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ và bị cáo Lê Xuân B - Sinh năm 2000, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sisius màu đen trắng, BKS 19 L1 – 083.xx của anh Hoàng Văn C - Sinh năm 1985, ở xã H.X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Trị giá tài sản là 9.000.000đ; Khoảng 13 giờ 30 phút ngày 04/02/2020, tại khu 9 xã H.X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ, bị cáo Lê Minh H - Sinh năm 1983, ở xã T, huyện Thanh Thủy và bị cáo Đỗ Trung K - Sinh năm 1989, ở xã T.P, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ đã có hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu xe GABON BKS: 19Z5 – 53xx của anh Nguyễn Thế V ở khu 5 xã H.X, huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Trị giá tài sản là 6.000.000đ.

Khoảng 14 giờ ngày xx/01/2020, tại thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội mặc dù không hứa hẹn trước và biết chiếc xe mô tô Yamaha, loại xe Sisius màu đen trắng, BKS 19 L1 – 083.xx do bị cáo Lê Minh H trộm cắp mà có nhưng bị cáo Nguyễn Văn T1 vẫn mua với giá 2.000.000đ.

Hành vi của bị cáo Lê Minh H đã phạm tội Trộm cắp tài sản, bản thân bị cáo H đã có 04 tiền án lại tiếp tục phạm tội, nên lần phạm tội này của bị cáo H thuộc trường hợp “*Tái phạm nguy hiểm*” và bị xử lý theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 Bộ luật hình sự. Hành vi của bị cáo Đỗ Trung K và bị cáo Lê Xuân B đã phạm tội Trộm cắp tài sản quy định tại Khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự. Do vậy hành vi của bị cáo Lê Minh H; bị cáo Trung K; bị cáo Lê Xuân B là hành vi “*Trộm cắp tài sản*” cần xử lý nghiêm minh theo quy định tại Điều 173 - Bộ luật Hình sự.

Điều 173 của Bộ luật Hình sự quy định:

1. “*Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000đ đến dưới 50.000.000đ hoặc dưới 2.000.000đ nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 3 năm hoặc bị phạt tù từ 6 tháng đến 3 năm.*”

2 “*Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm*”

.....

g) *Tái phạm nguy hiểm*”.

Hành vi của bị cáo Nguyễn Văn T1 đã phạm tội Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có, bản thân bị cáo T1 đã có 02 tiền án chưa được xóa án tích lại tiếp tục phạm tội nên lần phạm tội này của bị cáo T1 thuộc trường “*Tái phạm nguy hiểm*” cần xử lý theo quy định tại Điểm đ Khoản 2 Điều 323 Bộ luật hình sự.

Điều 323 – Bộ luật Hình sự quy định

1. “*Người nào không hứa hẹn trước mà chứa chấp, tiêu thụ tài sản biết rõ là do người khác phạm tội mà có, thì bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng, phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.*

2. “*Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm*”.

.....

đ) *Tái phạm nguy hiểm.*

Xét về tính chất vụ án, hành vi phạm tội của bị cáo H, bị cáo K, bị cáo Bắc, bị cáo T1 là nguy hiểm cho xã hội, hành vi trộm cắp, tiêu thụ tài sản của các bị cáo đã gây mất an ninh trật tự trong khu vực, tạo nên tâm lý hoang mang lo sợ trong khu dân cư và quần chúng nhân dân trong việc trông giữ, bảo vệ tài sản của mình. Với lỗi cố ý bị cáo H, bị cáo K, bị cáo B đã lợi dụng sự sơ hở, mất cảnh giác của người bị hại, các bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến quyền sở hữu về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ. Bị cáo H, bị cáo K, bị cáo B là người đã trưởng thành có đầy đủ năng lực pháp luật, nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, bị pháp luật nghiêm cấm, nhưng vì không muốn làm lại muốn có tiền chi tiêu, nên các bị cáo đã có hành vi trộm cắp tài sản của người khác dẫn đến vi phạm pháp luật. Vì vậy, cần đưa các bị cáo ra xét xử và có hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của từng bị cáo mới có tác dụng giáo dục riêng và phòng ngừa chung.

Xét về nhân thân của từng bị cáo HĐXX nhận thấy: Bị cáo Lê Minh H là người có nhân thân xấu trong một thời gian ngắn bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản (xe mô tô) trên địa bàn huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ. Trong

những lần thực hiện hành vi trộm cắp tài sản thì bị cáo H là người đã chủ động rủ rê, lôi kéo bị cáo K, bị cáo B cùng tham gia trộm cắp. Trước lần phạm tội này bị cáo H đã 06 (Sáu) lần bị Tòa án xét xử cụ thể: Bản án số 42/HS- ST ngày 26/9/2006 của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng, tỉnh Hà Tây xử phạt Lê Minh H 45 tháng tù về tội « Trộm cắp tài sản ». Thời hạn tù từ ngày 08/02/2006. Buộc bồi thường cho các bị hại tổng số tiền 15.600.000đ. Khoản bồi thường cho bị hại, Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy đã ra Quyết định trả đơn yêu cầu thi hành án tháng 11/2010. Bị cáo phải chịu 50.000đ tiền án phí hình sự và 1.330.000đ án phí dân sự. Bị can đã thi hành xong các khoản án phí năm 2011. Bản án số 12/2007/HSST ngày 24/5/2007 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, Phú Thọ xử phạt Lê Minh H 30 tháng tù về tội « Trộm cắp tài sản » tổng hợp với 45 tháng tù của bản án số 42/HS- ST ngày 26/9/2006 của Tòa án nhân dân huyện Đan Phượng. Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 75 tháng tù, thời hạn tù từ ngày 08/02/2006. Bị cáo phải liên đới bồi thường cho bị hại số tiền 4.500.000đ. Bị cáo phải chịu 50.000đ tiền án phí hình sự và 2xx.000đ án phí dân sự. Án phí hình sự bị cáo đã thi hành xong ngày 07/3/2013; khoản án phí dân sự đã được miễn thi hành án ngày 10/4/2013. Khoản bồi thường cho bị hại, Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy ra Quyết định trả đơn yêu cầu thi hành án do đương sự không có tài sản. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và được ra trại ngày 08/8/2011. Bản án số 680/2012/HS- ST ngày 18/12/2012 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội xử phạt Lê Minh H 36 tháng tù về tội « Tàng trữ trái phép chất ma túy ». Thời hạn tù tính từ ngày 02/8/2012. Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị can đã thi hành xong án phí vào tháng 9/2013. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và được ra trại ngày 02/8/2015. Bản án số 72/2016/HS- ST ngày 30/3/2016 của Tòa án nhân dân quận Nam Từ Liêm, Hà Nội xử phạt Lê Minh H 03 năm tù về tội « Trộm cắp tài sản ». Thời hạn tù tính từ ngày 08/01/2016. Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị can chưa thi hành khoản án phí. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và được ra trại ngày 08/01/2019.

Nhân thân của bị cáo H:

Bản án số 65/HS- ST ngày 22/5/2003 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân, Hà Nội xử phạt Lê Minh H 06 tháng tù cho hưởng án treo thời gian thử thách 12 tháng về tội « Trộm cắp tài sản ». Bị cáo phải chịu 50.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm (*Trị giá tài sản trộm cắp trị giá 1.050.000đ*). Về số tiền án phí, qua xác minh tại Chi cục thi hành án dân sự quận Thanh Xuân thể hiện đã được ủy thác về Chi cục thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy ngày 26/8/2003 tuy nhiên qua kiểm tra sổ nhận ủy thác tại cơ quan thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy thì đơn vị không nhận được Quyết định ủy thác nêu trên nên không có căn cứ thi hành án. Bản án số 303/HS- ST ngày 13/8/2004 của Tòa án nhân dân quận Đống Đa, Hà Nội xử phạt Lê Minh H 10 tháng tù về tội « Trộm cắp tài sản » tổng hợp với 06 tháng tù của bản án số 65/HS- ST ngày 22/5/2003 của Tòa án nhân dân quận Thanh Xuân. Tổng hợp hình phạt chung của hai bản án là 16 tháng tù, thời hạn tù từ ngày 06/5/2004. Bị cáo phải chịu 50.000đ tiền án phí. Bị cáo thi hành xong án phí năm 2006. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù, được ra trại ngày 06/6/2005. Theo quy định của pháp luật thì bị cáo H chưa được xóa án tích đối với 04 bản án nêu trên, nên lần phạm tội này của bị cáo H thuộc trường hợp “ *Tái phạm nguy hiểm* ”.

Đối với bị cáo Đỗ Trung K là người có nhân thân xấu trước lần phạm tội này bị cáo đã bị Tòa án xét xử. Tại Bản án số xx/2016/HS- ST ngày 16/6/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Sơn, tỉnh Phú Thọ xử phạt Đỗ Trung K 24 tháng tù về tội « Mua bán trái phép chất ma túy ». Thời hạn tù tính từ ngày 01/3/2016. Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và truy thu 400.000đ để sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo nộp án phí ngày 22/7/2016. Khoản tiền truy thu, bị cáo thi hành xong tháng 9/2016. Bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và ra trại ngày 01/10/2017. Tính đến thời điểm phạm tội bị cáo đã được xóa án tích.

Đối với bị cáo Nguyễn Văn T1 là người có nhân thân xấu trước lần phạm tội này bị cáo đã 02 (Hai) lần bị Tòa án xét xử. Tại Bản án số 38/2013/HS- ST ngày 19/9/2013 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt Nguyễn Văn T1 24 tháng tù về tội « Tàng trữ trái phép chất ma túy ». Thời hạn tù tính từ ngày 09/7/2013. Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo thi hành xong án phí ngày 13/11/2013. Bị cáo chấp hành xong hình phạt và ra trại ngày 09/4/2015. Bản án số 14/2016/HS- ST ngày 19/4/2016 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ xử phạt Nguyễn Văn T1 30 tháng tù về tội « Mua bán trái phép chất ma túy ». Thời hạn tù tính từ ngày 11/01/2016. Bị cáo phải chịu 200.000đ tiền án phí hình sự sơ thẩm và tịch thu 200.000đ để sung công quỹ Nhà nước. Bị cáo thi hành xong án phí và khoản tịch thu tiền sung công vào ngày 19/9/2016. Bị can chấp hành xong hình phạt tù và được ra trại ngày 11/5/2018. Theo quy định của pháp luật thì bị cáo T1 chưa được xóa án tích đối với các bản án trên, do đó lần phạm tội này của bị cáo T1 thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm.

Đối với bị cáo Lê Xuân B là người có nhân thân tốt nhưng khi được bị cáo Lê Minh H rủ đi trộm cắp tài sản mặc dù biết hành vi đó là vi phạm pháp luật nhưng bị cáo B vẫn đồng ý và sử dụng phương tiện của mình chở H đi trộm cắp tài sản, sau đó bị cáo B còn giúp bị cáo H cất giấu tài sản trộm cắp tại nhà mình. Mặc dù bị cáo B chưa được hưởng lợi từ tài sản trộm cắp, nhưng hành vi của bị cáo B là đồng phạm giúp sức tích cho bị cáo H để trộm cắp tài sản trị giá 9.000.000đ. Hành vi của bị cáo B cấu thành tội trộm cắp tài sản theo quy định tại khoản 1 Điều 173 BLHS.

Sau khi bị cáo H, bị cáo K, bị cáo T1 chấp hành xong hình phạt trở về địa phương các bị cáo không lấy đó làm bài học để tu dưỡng, rèn luyện bản thân làm ăn lao động chân chính tạo ra của cải vật chất nuôi sống bản thân, gia đình và đóng góp cho xã hội mà các bị cáo tiếp tục lao vào con đường phạm tội chứng tỏ bị cáo đã coi thường pháp luật.

Bị cáo Lê Minh H cùng bị cáo Đỗ Trung K bị Công an huyện Thanh Thủy phát hiện và bắt giữ về tội trộm cắp xe mô tô của anh Nguyễn Thế V ngày 04/02/2020. Nhưng bị cáo H đã chủ động, tự giác khai báo trước đó vào ngày 20/01/2020 bị cáo cùng bị cáo B trộm cắp 01 chiếc xe mô tô của anh Hoàng Văn C chưa bị cơ quan điều tra phát hiện. Như vậy bị cáo H được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự là người phạm tội tự thú. Trong quá trình điều tra bị cáo Đỗ Trung K và gia đình đã tự nguyện bồi thường bị hại là anh Nguyễn Thế V giá trị chiếc xe mô tô 3.000.000đ

Xong trước khi quyết định hình phạt đối với bị cáo Hội đồng xét xử thấy rằng: Tại Cơ quan điều tra và phiên tòa hôm nay, các bị cáo Lê Minh H, Đỗ Trung K; Nguyễn Văn T1; Lê Xuân B đã thành khẩn khai nhận, ăn năn hối cải hành vi phạm tội của mình. Do đó bị cáo Lê Minh H được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách

nhiệm hình sự quy định tại điểm r, điểm s Khoản 1 Điều 51, bị cáo Đỗ Trung K được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm b, điểm s Khoản 1 Điều 51; bị cáo Lê Xuân B được hưởng 02 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm i, điểm s Khoản 1 Điều 51; bị cáo Nguyễn Văn T1 được hưởng 01 tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s Khoản 1 Điều 51- BLHS

Trong vụ án này bị cáo Lê Minh H phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g Khoản 1 Điều 52 – BLHS. Bị cáo Đỗ Trung K, bị cáo Lê Xuân Bắc, bị cáo Nguyễn Văn T1 không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Khoản 1 Điều 52 – BLHS. Căn cứ vào các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ của các bị cáo và các quy định khác của pháp luật. HĐXX thấy rằng cần thiết xử phạt bị cáo Lê Minh H, bị cáo Đỗ Trung K, bị cáo Nguyễn Văn T1 hình phạt tù có thời hạn và cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhất định để bị cáo tiếp tục rèn luyện, cải tạo trở thành người công dân sống có ích cho gia đình và xã hội. Xử phạt bị cáo Lê Xuân B hình phạt cải tạo không giam giữ, giao bị cáo B cho Ủy ban nhân dân xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với UBND xã nơi bị cáo cư trú trong việc giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ và để cho bị cáo tiếp tục rèn luyện, lao động cải tạo trở thành người công dân sống có ích cho gia đình và xã hội cũng như để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật.

Theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 và Khoản 5 Điều 323 – Bộ luật Hình sự thì các bị cáo H, bị cáo K, bị cáo Bắc, bị cáo T1 còn có thể bị phạt tiền từ 5.000.000đ đến 50.000.000đ. Theo xác minh của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy thì các bị cáo không việc làm, thu nhập ổn định, bản thân các bị cáo đang sống phụ thuộc vào gia đình không có tài sản riêng gì có giá trị. Do vậy Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo trên là phù hợp.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu GABON BKS: 19Z5 – 53xx do bị cáo Lê Minh H và bị cáo Đỗ Trung K trộm cắp của anh Nguyễn Thế V ngày 04/02/2020, có giá trị 6.000.000đ. Quá trình điều tra, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy không thu hồi được, tại phiên tòa hôm nay anh V vắng mặt, ngày 10/03/2020 bị cáo Đỗ Trung K và gia đình đã tự nguyện bồi thường cho anh Nguyễn Thế V giá trị chiếc xe mô tô là 3.000.000đ. Sau khi nhận đủ số tiền trên anh V không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường thêm. Do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với bà Đào Thị Kim O là mẹ đẻ của bị cáo Lê Xuân Bắc, sau khi bị cáo H và bị cáo B trộm cắp được 01 chiếc xe máy nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu đen - trắng, BKS: 19L1-083.xx, bị cáo H có gửi chiếc xe trên tại nhà bà Oanh. Tuy nhiên bà Oanh không biết chiếc xe trên do bị cáo H và bị cáo B trộm cắp mà có, nên Cơ quan điều tra không xem xét xử lý đối với bà Oanh trong vụ án này.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu LONGCIN, màu nâu, BKS 19L1-260.xx là của ông Lý Lang T, sinh năm 1971, trú tại: tiểu khu 10, xã Hát Lót, huyện Mai Sơn, tỉnh Sơn La. Cuối tháng 12 năm 2019, ông Tân đã cho bị cáo Đỗ Trung K đã mượn

xe để làm phương tiện đi lại trong dịp Tết. việc bị cáo K sử dụng xe đi trộm cắp, ông Tân không biết. Ngày 05/3/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho ông Lý Lang T. Sau khi nhận lại tài sản ông Tân không có ý kiến gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Alpha, màu đen- bạc, BKS: 29L5-245.xx là của bà Đào Thị Kim O, sinh năm 1973, trú tại: thôn L, xã K, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội (là mẹ đẻ của bị cáo Lê Xuân Bắc) bà Oanh cho bị cáo B mượn xe mô tô trên làm nghề xe ôm, việc bị cáo B sử dụng xe làm phương tiện trộm cắp, bà Oanh không biết. Ngày 05/3/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho bà Đào Thị Kim O. Sau khi nhận lại tài sản bà Oanh không có ý kiến gì nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Trong quá trình điều tra, bị cáo Nguyễn Văn T1 tự nguyện giao nộp chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sirius, màu đen- trắng, BKS: 19L1-083.xx. Chiếc xe trên là tài sản hợp pháp của bị hại anh Hoàng Văn C. Ngày 05/3/2020, Cơ quan điều tra đã trả lại chiếc xe mô tô trên cho anh Hoàng Văn C. Sau khi nhận lại tài sản anh Cường không có ý kiến gì, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Trong quá trình điều tra bị cáo H khai nhận bị cáo và bị cáo Đỗ Trung K đã bán chiếc xe mô tô trộm cắp của anh V được 4.000.000đ, nhưng bị cáo H giữ lại chi tiêu không chia cho bị cáo K, bị cáo Đỗ Trung K và gia đình bị cáo đã tự nguyện bồi thường cho anh V giá trị chiếc xe mô tô là 3.000.000đ. Tại phiên tòa hôm nay bị cáo K và ông Cường bố đẻ bị cáo K không yêu cầu bị cáo H phải trả lại số tiền đã bồi thường cho anh V, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay bị cáo T1 không yêu cầu bị cáo H trả số tiền 2.000.000đ (Hai triệu) mà bị cáo đã mua xe mô tô do bị cáo H trộm cắp của anh Hoàng Văn C. Do đó HĐXX không xem xét giải quyết.

Đối với số tiền 6.000.000đ (Sáu triệu đồng) bị cáo Lê Minh H có được là do đã bán 02 chiếc xe mô tô trộm cắp của anh V và anh Cường mà có, bị cáo đã chi hết 5.700.000đ, còn lại 300,000đ nay cần truy thu để sung quỹ Nhà Nước.

[3] Xử lý vật chứng vụ án:

Tịch thu của bị cáo Lê Minh H 01 điện thoại di động Nokia 1010 màu đen đã qua sử dụng; thu của bị cáo Đỗ Trung K 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobisar màu đen vàng để bán phát mại để lấy tiền sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Lê Minh H sim số 0329.963.309 và của bị cáo Đỗ Trung K 01 sim số 0327.396.578 để tiêu hủy.

Tịch thu 300.000đ của bị cáo Lê Minh H để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Lê Minh H 01 ví giả da màu đen đã cũ; 01 chứng minh thư nhân dân số 131228623 mang tên Lê Minh H.

Toàn bộ số vật chứng trên đã được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Truy thu của bị cáo Lê Minh H số tiền 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm ngàn đồng) để sung quỹ Nhà Nước

Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu gồm:

Trả lại cho ông Lý Lang T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu LONG CIN màu nâu, BKS 19L1 - 260.xx; trả lại cho bà Đào Thị Kim O 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha màu đen bạc, BKS 29 L5 - 245.xx, 390; trả lại cho anh Hoàng Văn C 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sisius màu đen trắng, BKS 19 L1 - 083.xx.

Toàn bộ số tài sản trên được trao trả theo biên bản trao trả tài sản ngày 05/3/2020.

Trước khi chuẩn bị xét xử ngày 03/4/2020 Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy đã ban hành Lệnh cấm đi khỏi nơi cư số 39 đối với bị cáo Lê Xuân B và Lệnh cấm đi khỏi nơi cư số 40 đối với bị cáo Nguyễn Văn T1. HĐXX xét thấy nay cần hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 39 đối với bị cáo Lê Xuân B là phù hợp theo quy định tại Khoản 1 Điều 1xx của Bộ luật tố tụng Hình sự.

[4] Về án phí hình sự: Bị cáo Lê Minh H, bị cáo Đỗ Trung K, bị cáo Lê Xuân Bắc, bị cáo Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm. Bị cáo H còn phải chịu tiền án phí dân sự trong vụ án hình sự theo quy định của pháp luật. Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan trong vụ án được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

[5] Các quyết định tố tụng của Điều tra viên, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố, xét xử là hợp pháp.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 173, Điều 323 - Bộ luật Hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Minh H phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại điểm g Khoản 2 Điều 173 - Bộ luật Hình sự, bị cáo Đỗ Trung K, Lê Xuân B phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo quy định tại Khoản 1 Điều 173 - Bộ luật Hình sự, bị cáo Nguyễn Văn T1 phạm tội “*Tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có*” theo quy định tại điểm đ Khoản 2 Điều 323- Bộ luật Hình sự.

Căn cứ vào điểm g Khoản 2 Điều 173, điểm r, điểm s Khoản 1 Điều 51, điểm g Khoản 1 Điều 52 - Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo: Lê Minh H **4** (Bốn) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 06/02/2020.

Căn cứ vào điểm đ Khoản 2 Điều 323 điểm s, Khoản 1 Điều 51- Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo: Nguyễn Văn T1 **3** (Ba) năm **6** (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt đi thi hành án.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173 điểm b, điểm s Khoản 1 Điều 51- Bộ luật Hình sự

Xử phạt bị cáo: Đỗ Trung K **6** (Sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giam là ngày 08/02/2020.

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 173 điểm i, điểm s, Khoản 1 Điều 51; Khoản 1, Khoản 2, Khoản 4 Điều 36 - Bộ luật Hình sự; Điều 1xx – Bộ luật tố tụng Hình sự

Xử phạt bị cáo: Lê Xuân B **12** (Mười hai) tháng cải tạo không giam giữ. Thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày UBND xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây, thành phố Hà Nội nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án, giao bị cáo B cho

UBND xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây giám sát, giáo dục bị cáo trong thời gian cải tạo không giam giữ.

Người bị cải tạo không giam giữ trong thời gian chấp hành hình phạt này thì phải thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng trong thời gian cải tạo không giam giữ. Thời gian lao động phục vụ cộng đồng là 02 giờ trong một ngày và 04 ngày trong một tuần.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 173 - BLHS cho các bị cáo Lê Minh H, bị cáo Đỗ Trung K.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 323 - BLHS cho bị cáo Nguyễn Văn T1.

Miễn áp dụng hình phạt bổ sung theo quy định tại Khoản 5 Điều 173, khoản 3 Điều 36 - BLHS cho bị cáo Lê Xuân B

Hủy bỏ lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú của Tòa án nhân dân huyện Thanh Thủy số 39/2020/ HSST- LCCT ngày 03/4/2020 đối với bị cáo Lê Xuân B.

Xử lý vật chứng vụ án:

Căn cứ Điều 47, Điều 48 Bộ luật Hình sự; Khoản 2, Khoản 3 Điều 106 Bộ luật tố tụng Hình sự.

Tịch thu của bị cáo Lê Minh H 01 điện thoại di động Nokia 1010 màu đen đã qua sử dụng; thu của bị cáo Đỗ Trung K 01 chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Mobisar màu đen vàng để bán phát mại để lấy tiền sung quỹ Nhà nước.

Tịch thu của bị cáo Lê Minh H sim số 0329.963.3xx và của bị cáo Đỗ Trung K 01 sim số 0327.396.5xx để tiêu hủy.

Tịch thu 300.000đ của bị cáo Lê Minh H để sung quỹ Nhà nước.

Trả lại cho bị cáo Lê Minh H 01 ví giả da màu đen đã cũ; 01 chứng minh thư nhân dân số 1312286xx mang tên Lê Minh H.

Toàn bộ số vật chứng trên đã được bàn giao theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 08/4/2020 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thanh Thủy, tỉnh Phú Thọ.

Truy thu của bị cáo Lê Minh H số tiền 5.700.000đ (Năm triệu bảy trăm ngàn đồng) để sung quỹ Nhà Nước

Xác nhận Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Thanh Thủy đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu gồm:

Trả lại cho ông Lý Lang T 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu LONG CIN màu nâu, BKS 19L1 - 260.xx

Trả lại cho bà Đào Thị Kim O 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave Anpha màu đen bạc, BKS 29 L5 - 245.xx

Trả lại cho anh Hoàng Văn C 01 chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha, loại xe Sisius màu đen trắng, BKS 19 L1 083.xx

Toàn bộ số tài sản trên được trao trả theo biên bản trao trả tài sản ngày 05/3/2020.

Án phí hình sự sơ thẩm:

Căn cứ Khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng Hình sự năm 2015; điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội. Quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Lê Minh H, bị cáo Đỗ Trung K, bị cáo Nguyễn Văn T1, bị cáo Lê Xuân B mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ (Hai trăm ngàn đồng) án phí Hình sự sơ thẩm.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt có quyền kháng cáo đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm. Bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai tại trụ sở UBND nơi họ cư trú để đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Phú Thọ xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- VKSND huyện, tỉnh
- Sở Tư pháp
- THADS huyện, THA Hình sự
- Công an huyện
- UBND xã H.X, xã T.P
- UBND xã T
- UBND xã Kim Sơn, thị xã Sơn Tây
- Bị cáo, bị hại, người có QLNVLQ
- Lưu hồ sơ, VP

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

Bùi Khoa Hương